

NHÌN LẠI 15 NĂM PHỔ BIẾN VÀ ỨNG DỤNG VẬN TRÙ HỌC VÀO THỰC TẾ SẢN XUẤT TẠI HẢI-PHÔNG

VŨ TRỌNG KHÁNH

Tiểu ban Vận trù học của Hải-phòng được thành lập từ năm 1958.

Lúc đầu, Tiểu ban đã đề một thời gian ngắn, tuyên truyền rộng rãi « Vận trù học là gì? »; nổi nhất là cuộc triển lãm 15 ngày, đã thu hút nhiều loại cán bộ kể cả quân đội, công an đến xem, ghi chép, học tập; sau đó nhiều nơi yêu cầu mở lớp ngắn ngày về vấn đề này.

Tiếp theo là giai đoạn dài Tiểu ban vận động ứng dụng phương pháp sơ đồ mạng (PERT) trong công nghiệp nội thành.

Sau đây là những kinh nghiệm mà chúng tôi đã rút ra từ cuộc vận động trên.

I. PHẢI QUẢN CHÚNG HÓA MỌI THUẬT

Cán bộ vận trù học cần nắm vững lí thuyết, nhưng khi phổ biến và hướng dẫn ứng dụng thì phải có quan điểm quản chúng, phải « Việt-nam hóa » thuật ngữ nước ngoài.

1. Nếu ta giới thiệu sơ đồ mạng (PERT) là phương pháp tiến bộ nhất thì gọi ra trong óc người nghe phản ứng: « Thế thì khó lòng áp dụng vào ta là nước kinh tế lạc hậu », vì tư tưởng sợ khoa học cao siêu cộng với tư tưởng ngại học và ứng dụng cái mới khiến người ta nghe với thái độ « đề biết » mà thôi.

Để tránh cho người nghe có phản ứng: với trình độ của nước ta, của cán bộ, công nhân ta khó lòng áp dụng một phương pháp tiến bộ như phương pháp sơ đồ mạng, và để tránh tư tưởng ngại học cái mới, ứng dụng cái mới, khi giới thiệu phương pháp sơ đồ mạng thì mở đầu, ta nên phân tích các lúng túng trong tổ chức và quản lí sản xuất của ta, khiến ta cần phải tìm tòi cách cải tiến như thế nào?

Bác Hồ dạy: mỗi người làm việc bằng hai; Đảng yêu cầu làm việc có năng suất cao, có hiệu quả công tác. Nhưng, làm thế nào để đạt kết quả đó? Sơ đồ mạng chính là một giải pháp, nó giúp ta cải tiến lề lối làm việc, cải tiến cách tổ chức sản xuất, điều khiển sản xuất, một phương pháp khoa học dựa vào toán học mà ở trình độ nào cũng có thể sử dụng được.

Đây không phải là một thuật nói, mà thực chất là chúng ta mong muốn đưa một phương pháp làm ăn khoa học đến đông đảo quần chúng lao động, từ lãnh đạo đến công nhân; thay thế tác phong làm ăn vô tổ chức. Có như thế kiến thức khoa học, kĩ thuật mới quản chúng hóa và trở thành hiện thực.

2. Khi bắt đầu bồi dưỡng lí luận ta hãy bỏ những danh từ khó hiểu, những thuật ngữ mà trong thực tế rất ít dùng, sau sẽ nâng cao dần tùy theo yêu cầu của sản xuất và trình độ hiểu biết của từng cấp...

Cách giảng nên theo phương pháp qui nạp hơn là suy diễn; các công thức thì công nhận, nhưng phải nói thật rõ ý nghĩa và cách sử dụng.

Bài giảng phải có tính thực hành, kể cả đối với học viên là kĩ sư, vì anh em không có thì giờ đi sâu vào toán mà cần biết những điều ứng dụng ngay. Bài giảng cho cán bộ kĩ thuật sẽ bồi dưỡng đủ để có thể tính toán, dựng được sơ đồ mạng và điều chỉnh được trong quá trình thi công. Bài giảng cho lãnh đạo (giám đốc, bí thư xí nghiệp) thì lược bỏ phần kĩ thuật tính toán, chủ yếu nhằm giúp lãnh đạo hiểu ý nghĩa, tác dụng, nguyên tắc sơ đồ mạng; chỉ ra được những khâu cần áp dụng

và đọc được sơ đồ mạng, để có thể chỉ đạo sản xuất bằng sơ đồ mạng.

3. Ở các nước tiên tiến, sơ đồ mạng do giám đốc quyết định rồi chuyển xuống các phân xưởng thi hành như mọi mệnh lệnh.

Ở nước ta do trình độ còn phiến diện của nhiều kĩ sư và công nhân; nhiều định mức, nhiều chế độ chưa rõ ràng, nhiều kinh nghiệm chưa được đúc kết, do đó trước khi đưa sơ đồ mạng cho giám đốc duyệt, nên qua bước thảo thảo và đưa ra thảo luận giữa cuộc họp của các cán bộ chủ chốt và công nhân giỏi: ở đó thường nảy ra nhiều ý kiến hay, nhiều sáng kiến tốt và cũng nảy ra những cuộc đấu tranh và thương lượng. Cuối cùng sơ đồ mạng được chỉnh lí và được giám đốc kí duyệt, biến sơ đồ mạng thành *pháp lệnh*, đồng thời nó cũng là một *hợp đồng* kí kết giữa các bộ phận sau khi đã thảo luận và nhất trí. Ý nghĩa « pháp lệnh tự giác » do bước này tạo nên, có ảnh hưởng rất tốt đến việc thực hiện sơ đồ mạng ở bước sau.

II. KẾT QUẢ VÀ TÁC DỤNG

Sau hơn 15 năm hoạt động, ứng dụng sơ đồ mạng chúng tôi đã đạt được một số kết quả và có thể tóm tắt ở một số nét chính sau đây:

1. Sơ đồ mạng có thể áp dụng vào nhiều lĩnh vực, không riêng gì cho kiến thiết cơ bản.

Hải-phòng đã áp dụng vào chế tạo máy, xây dựng, lắp ráp, bốc xếp, vận chuyển. Sửa chữa tuy là lĩnh vực khó khăn nhất vì không thể khảo sát hết chỗ hư hỏng nên dễ xảy ra việc bất ngờ lúc thi công, nhưng cũng đã áp dụng tốt sơ đồ mạng. Xí nghiệp sửa chữa thủy đã dựng sơ đồ mạng đầu tiên nhờ đọc bài giới thiệu trên báo Khoa học thường thức, nay ứng dụng thành thạo vào các công trình trọng điểm; Xí nghiệp Toa xe đang triển khai rộng sơ đồ mạng ra các phân xưởng; Xí nghiệp ô tô vận tải áp dụng sơ đồ mạng vào bảo dưỡng cấp I và cấp II; Xí nghiệp điện Thượng-lí dùng sơ đồ mạng để đại tu lò đã thành nền nếp...

Khu vực hành chính không phải là đối tượng tuyên truyền của Tiểu ban vận trù học, nhưng khi nghe giảng đã có nơi tự động ứng dụng, như Phòng lao động tiền lương của Cục công nghiệp, báo cáo quyết toán hằng tháng của Cảng, trường phổ thông cấp II xã Liên-khe đã dùng một mạng 58 sự việc để phối hợp và đôn đốc công tác giữa các bộ phận của nhà trường cuối năm học 1970 — 1971.

Nhiều xí nghiệp đã ứng dụng sơ đồ mạng trong thời gian chống chiến tranh phá hoại của giặc Mĩ.

Đến nay, Hải-phòng có nhiều cán bộ lập sơ đồ mạng thành thạo, một số giám đốc và bí thư xí nghiệp nắm vững sơ đồ mạng, đang có ý đồ triển khai rộng ra toàn xí nghiệp.

2. Trong một xí nghiệp, biết sử dụng sơ đồ mạng thì ở cấp nào nó cũng phát huy được tác dụng.

a) Sơ đồ mạng giúp cho giám đốc lãnh đạo sáng suốt và chủ động.

Nhìn lên sơ đồ, giám đốc hình dung được toàn bộ công trình một cách dễ dàng, vừa tổng quát, lại vừa chi tiết, nhìn thấy các dây chuyền sản xuất, từng bước đi của tiến độ, các công việc trọng tâm, mối liên quan giữa các công việc.

Hằng ngày, qua sơ đồ mạng giám đốc có thể kiểm tra tiến độ thi công một cách chính xác: biết việc đã làm, đang làm, sắp làm, việc trì trệ, việc tiến nhanh... do đó biết phải can thiệp vào khâu nào; khi xuống hiện trường kiểm tra một khâu trì trệ so với các con số ghi trên sơ đồ mạng thì biết hỏi điều gì, xác định nguyên nhân của sự trì trệ một cách nhanh chóng không ai chối cãi được.

Sơ đồ mạng giúp giám đốc và quản đốc nhận thấy kịp thời diễn biến của các công việc và thấy trước những khó khăn để giải quyết.

Khi xảy ra sự cố (ví dụ mất điện lâu, vật tư quan trọng chưa kịp nhập, công nhân ốm nhiều...) cần phải sắp xếp lại công việc, thì sơ đồ mạng là cái bàn cờ, nhìn vào đó giám đốc lĩnh toán nước đi, cần hoãn việc nào làm sau, cần đẩy việc nào lên trước, cần động viên cải tiến kĩ thuật ở khâu nào, cần rút thời gian ở đâu, cần tăng nhân lực cho chỗ nào.

Trong phòng giám đốc Xí nghiệp đóng tàu Bạch-đăng chẳng hạn, một bảng sơ đồ mạng có trục thời gian chạy dài trên tường, giúp giám đốc chỉ đạo hai ba công trình một cách trật tự và chặt chẽ.

b) Nhờ sơ đồ mạng phòng cung ứng biết trước lúc nào cần phân phối vật tư gì, cho khâu nào, theo một thứ tự trước sau, nên chủ động đi tìm vật tư và chuẩn bị vật tư. Không còn tình trạng bối rối trước kia, hễ khởi công thì các bộ phận đều nói tính cấp bách của mình để đòi cung cấp vật tư ngay mà phòng không biết trả lời thế nào. Hơn nữa, nhờ lịch phân phối dựa trên sơ đồ mạng phòng cung ứng biết dự trữ đến mức độ nào để vừa không sợ thiếu vừa không tồn kho quá dài, khiến vốn ứ đọng.

c) Nhiều xí nghiệp giao ban bằng sơ đồ mạng, thấy dễ hiểu, dễ ghi, và nhanh gọn.

d) *Tổ công nhân* Xí nghiệp điện Thượng-lí sử dụng sơ đồ mạng đã thành thói quen và biết yêu cầu kĩ sư điều chỉnh cho phù hợp với tình hình.

3. Rút ngắn thời gian là một kết quả cụ thể mà các xí nghiệp đều công nhận khi áp dụng sơ đồ mạng. Nhiều nơi đã hoàn thành công trình trong một thời hạn cấp bách do nhờ đã áp dụng tốt sơ đồ mạng. Sơ đồ mạng đã giúp cho xí nghiệp thực hiện kế hoạch đúng thời hạn, hay trước thời hạn, mà không tăng cường độ lao động, vì nó đã giúp sắp xếp lại (ở một mức độ chưa hoàn hảo) các công việc lộn xộn, chằng chéo, bất hợp lí, và nó giúp cho phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kĩ thuật, hợp lí hóa sản xuất hướng vào những điểm có ảnh hưởng nhất để rút ngắn thời gian.

4. Tinh thần trách nhiệm của từng cá nhân, của các tổ sản xuất và tinh thần cộng đồng trách nhiệm của toàn thể được nâng cao rõ rệt, vì sơ đồ mạng xác định phần việc và chỉ tiêu từng công việc, do đó trách nhiệm của mỗi người, mỗi tổ rõ ràng, ai thiếu sót không thể đổ lỗi cho người khác. Mỗi tổ, mỗi người lo làm phần việc mình cho đúng thời hạn để người sau, tổ sau kế tục đúng thời điểm; tránh được tình trạng tổ trưởng của tổ sau thường đến hỏi và giục tổ trước hoàn thành để mình kế tiếp kịp thời. Có giám đốc đã tổng kết: « Trước kia mỗi bộ phận chỉ lo phần mình, các bộ phận cứ quay lưng vào nhau, với sơ đồ mạng các bộ phận hợp tác, phối hợp với nhau một cách vừa tự giác, vừa bắt buộc ».

5. Sơ đồ mạng dẫn đến cải tiến tổ chức.

Trong khi tính toán để tìm ra trình tự công việc hợp lí và phân đấu thi công theo sơ đồ mạng đã vạch ra, cán bộ vận trù học vấp phải những bất hợp lí trong tổ chức. Có loại việc mình có thẩm quyền giải quyết, ví dụ vị trí đặt máy hàn cho trung độ, vị trí phòng kĩ thuật để gần phân xưởng lợi hơn là cạnh phòng giám đốc... Có loại việc phải đề xuất lên giám đốc hay cao hơn nữa mới giải quyết được. Ví dụ 1: khi lập sơ đồ mạng thì phòng kĩ thuật nắm qui trình công nghệ, lập dễ hơn. Nhưng đơn đốc thi công, lại phải do phòng kế hoạch; nếu phòng này lãnh đạm với sơ đồ mạng thì dễ biến nó thành một thứ trang trí. Tình trạng này đã được giải quyết theo 3 cách: một là, giám đốc giao luôn cho cán bộ kĩ thuật đã lập sơ đồ mạng sẽ trực tiếp xuống hiện trường đơn đốc thi công, không phải qua phòng kế hoạch; hai là, lập một ban sơ đồ mạng

trong đó có cán bộ kĩ thuật và cán bộ kế hoạch để kết hợp mật thiết; ba là, lập một phòng điều độ sản xuất (tách khỏi phòng kế hoạch) có trách nhiệm dựng sơ đồ mạng và đơn đốc thi công theo sơ đồ mạng.

6. Rèn luyện được một phương pháp làm việc khoa học là kết quả quý nhất của việc làm theo sơ đồ mạng. Sơ đồ mạng buộc xí nghiệp phải làm ăn có tính toán trước; phải quyết định chỉ tiêu kế hoạch trên cơ sở có tính toán chứ không phải theo cảm tính; tổ chức sản xuất và chỉ đạo sản xuất có trật tự, có phối hợp nhịp nhàng cho đồng bộ, dần dần làm chủ các diễn biến của sản xuất chứ không bị động với các diễn biến đó.

Kết quả này là một quá trình lâu dài, nhưng ngay bước đầu đi vào áp dụng theo sơ đồ mạng là đã được nó rèn luyện ngay từ đấy. Ví dụ: khi cán bộ vận trù hỏi các số liệu để tính toán lên sơ đồ mạng, cán bộ của xí nghiệp cung cấp số liệu không đúng, có khi lại không có, cán bộ vận trù phải bàn cách tìm số liệu gần sát với sự thực nhất. Nhờ đó những đòi hỏi có tính khoa học của cán bộ vận trù đã phần nào truyền cho anh em cán bộ ở xí nghiệp tinh thần làm việc trung thực, chính xác.

III. ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI CHÍNH, NHỮNG KHÓ KHĂN CHÍNH

1. Muốn sơ đồ mạng bắt rễ vào một xí nghiệp, phải có một điều kiện cơ bản là *giám đốc thực sự chỉ đạo* việc ứng dụng sơ đồ mạng, nếu được cả bí thư thì càng mạnh. Vì đưa sơ đồ mạng vào là thay đổi cả tập quán làm việc, sẽ đòi hỏi nhiều quyết định của thủ trưởng.

Muốn thực sự chỉ đạo, giám đốc phải học, không đòi hỏi phải học các thuật toán như cán bộ vận trù học, nhưng phải nắm các nguyên tắc và ý nghĩa. Thực tế ở Hải-phòng cho thấy giám đốc (có nơi cả bí thư) sau khi học tập đã đề ra những ý kiến chỉ đạo sắc sảo và giải quyết các khó khăn một cách thành công.

2. Trong tuyên truyền áp dụng sơ đồ mạng, chúng tôi gặp phải một số khó khăn về tư tưởng: muốn duy trì thói quen làm ăn tùy tiện; còn dung túng cách tổ chức lỏng lẻo để dễ bề làm ăn, làm việc riêng; bảo thủ không ưa tìm cái mới; lòng ghen ghét không chấp nhận ai có cách làm hay hơn mình; biết là hay nhưng lười học; có kĩ sư học rồi nhưng bỏ đấy.

Công việc sản xuất của ta gặp nhiều khó khăn. Có người nản chí nói rằng khó khăn của sản xuất chưa gỡ được thì nghiên cứu ứng dụng sơ đồ mạng, vận trù học, toán kinh tế làm gì?

Chúng tôi nghĩ: chính vì sản xuất gặp nhiều khó khăn nên ta phải làm ăn có tính toán, có phương pháp, nghĩa là phải sử dụng sơ đồ mạng, toán kinh tế, vì có sản xuất thì phải có tổ chức và điều khiển sản xuất. Người phụ trách sản xuất buộc phải lựa chọn một trong hai thái độ:

— Làm việc không theo phương pháp nào, nghĩa là dựa theo kinh nghiệm, theo cảm tính, dẫn đến tình trạng làm đến đâu hay đến đó, không nhìn trước, không tính xa.

— Làm việc có phương pháp: tự nhiên sẽ chọn phương pháp tiến bộ nhất tức là sơ đồ mạng và các công cụ toán kinh tế.

Trong khó khăn của sản xuất, chúng tôi thấy « nhiệm vụ sản xuất không ổn định » là trở ngại lớn nhất cho việc cải tiến quản lý xí nghiệp bằng toán kinh tế cũng như bằng các biện pháp khác. Nếu như một xí nghiệp được giao trách nhiệm sản xuất một số mặt hàng nhất định trong một thời gian dài, thì dần dần giám đốc và cán bộ nơi đó sẽ tìm đến các phương pháp khoa học như sơ đồ mạng, vận trù học, toán kinh tế để cải tiến quản lý.

Nhiều người thường nêu khó khăn về vật tư, khiến giám đốc và cán bộ nản chí vì quá bị động. Ở đây có hai vấn đề:

a) *Vấn đề thứ nhất*: Có vật tư hay không có? Những thiếu thốn vật tư ở nước ta lúc này là trầm trọng. Nhưng nếu chờ cho có đầy đủ vật tư thì sẽ không biết đến bao giờ mới cải tiến tổ chức và quản lý; ngay ở các nước công nghiệp phát triển, vật tư và phụ tùng thay thế lúc nào cũng ở tình trạng căng thẳng chứ không phải dồi dào thừa thãi. Ở nước ta trong một thời gian còn khá dài, nguyên liệu, vật tư sẽ còn thiếu thốn nhiều. Nhà nước và cán bộ công nhân ta sẽ phải tìm nhiều biện pháp giải quyết.

b) *Vấn đề thứ hai*. Quản lý tốt vật tư. Trong thời gian chiến tranh, vấn đề cung ứng vật tư rất vất vả, nhưng cuối cùng các công việc vẫn hoàn thành. Điều đó chứng tỏ vật tư có, nhưng quản lý kém: vật tư để rải rác khắp nơi không ai nắm vững, có khi vật tư nằm ngay trong kho hay ngoài sân xí nghiệp mà xí nghiệp không biết, phải chạy đi mua.

Vấn đề ở đây là tổ chức quản lý vật tư cho giỏi: cách xếp ở kho, cách bảo quản, cách

phân phối đúng cỡ, đúng thời gian, cách dự trữ sao cho không quá thiếu, quá thừa... Sơ đồ mạng, vận trù học, toán kinh tế có thể phục vụ đắc lực đòi hỏi này. Ở xí nghiệp Bạch-đăng, đến cuối quý III—1970, kế hoạch cả năm còn thiếu hụt nhiều, phòng cung tiêu đã sử dụng sơ đồ mạng để chạy mua, vận chuyển, dự trữ, phân phối vật tư cho quý IV—1970, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch cả năm của xí nghiệp.

IV. TRIỂN VỌNG VÀ HƯỚNG PHẤN ĐẤU

Cuộc đấu tranh để đưa sơ đồ mạng vào cải tiến phương pháp tổ chức và điều khiển sản xuất đang tiếp diễn. Những kết quả đã đạt được tỏ ra bền vững và đã được thử thách qua chiến tranh. Nhưng vào các năm sau chiến tranh (1973 — 1974) đang có hiện tượng ngừng bước. Ở một số xí nghiệp sơ đồ mạng chỉ được ứng dụng vào một vài mặt hàng, không triển khai ra nhiều mặt hàng khác, nên không phát triển ra toàn xí nghiệp. Sơ đồ mạng không tranh thủ được thêm nhiều xí nghiệp mới, có xí nghiệp cũ giảm nhiệt tình với sơ đồ mạng. Ngoài sơ đồ mạng chúng tôi chưa phổ biến và vận động áp dụng được thêm bài toán nào khác như sản xuất đồng bộ, pha cắt nguyên vật liệu tiết kiệm, dây chuyền sản xuất... Ngay sơ đồ mạng cũng mới dừng lại ở sơ đồ mạng thời gian, và yêu cầu chủ yếu là cải tiến lề lối làm việc. Còn nhiều địa bàn khác mà sơ đồ mạng chưa xâm nhập đến như nông nghiệp, các ngành của thương nghiệp, v.v..

Trước tình hình đó, Tiểu ban Vận trù học Hải-phòng đã xác định cho mình một số hướng phấn đấu:

1. Chúng tôi tin rằng khi sản xuất phát triển thì sơ đồ mạng cùng với các phương pháp toán kinh tế khác sẽ càng có điều kiện phát triển. Tiểu ban vận trù học cần duy trì nhiệt tình và bồi dưỡng trình độ, chuẩn bị khả năng phục vụ khi thời cơ đến.

2. Từ trước đến nay, chúng tôi chủ trương chọn phương pháp sơ đồ mạng đưa vào xí nghiệp, ứng dụng vào một mặt hàng cho đến khi đạt được kết quả. Nhưng trong một xí nghiệp một mặt hàng áp dụng sơ đồ mạng thì chỉ chiếm một tỉ trọng rất nhỏ trong tổng sản lượng của xí nghiệp nên không thu hút mạnh sự quan tâm của giám đốc (trừ phi mặt hàng đó là trọng điểm hay cấp bách). Do đó, chúng tôi sẽ phấn đấu đưa sơ đồ mạng vào sắp xếp các công việc trong toàn bộ một xí nghiệp, một công trường, đồng thời với một số phương pháp khác mà thực tế yêu cầu (như

(Xem tiếp trang 43)

kinh hèn, vì phần lớn tiềm năng khoa học, kĩ thuật của xã hội tư bản đã bị sử dụng cho các mục đích quân phiệt.

Chủ nghĩa tư bản ứng dụng toàn bộ cơ chế hoàn chỉnh trong nền kinh tế của mình để bóc lột khoa học, cố bóp lấy lợi nhuận tối đa từ những thành tựu của khoa học. Nó lên mặt nói rằng nó đã «khống chế» được khoa học. Nhưng, «những kẻ bị khống chế ấy», không phải ai khác, lại chính là nhân dân lao động. Lực lượng sản xuất vĩ đại, nhờ khoa học, được nhân lên gấp bội, đã trở thành sức mạnh của nhà tư bản, chứ không phải của nhân dân lao động. Chúng đã biến những điều hạnh phúc như vậy thành sự đau khổ. Chúng không ngừng kêu gọi, kích thích những kiểu nhu cầu không đầu và biến người lao động thành nô lệ của những nhu cầu đó.

Không nghi ngờ gì nữa, chủ nghĩa xã hội, do bản chất tốt đẹp của mình, đang mở ra những khả năng rộng rãi không gì sánh nổi cho việc biến khoa học thành một lực lượng sản xuất trực tiếp. Nó xóa bỏ sự xa lạ giữa người sản xuất với các lợi ích vật chất do họ làm ra. Tổ chức lãnh đạo nền sản xuất đã xuất hiện khả năng chuyển từ tự phát sang tự giác. Cuối cùng, cả kĩ thuật, kinh tế, khoa học và toàn bộ nền sản xuất của cuộc sống

xã hội trong xã hội chủ nghĩa đã được định hướng về một trung tâm là sự phát triển toàn diện, không hạn chế những sức lực thực chất của con người, mà trước hết là những khả năng sáng tạo và xây dựng. Chính chủ nghĩa xã hội đã làm cho mỗi cộng tác của lao động và khoa học trở thành hiện thực, điều mà các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác — Lênin đã từng mơ ước, làm cho khoa học, như Mác viết, «trở nên một trong những khía cạnh, một trong những hình thức mà ở đó sự phát triển lực lượng sản xuất của con người, nghĩa là, sự phát triển của sự giàu có tiến lên phía trước».

Khả năng thì như vậy còn biến chúng thành hiện thực thì ra sao? Đó là những vấn đề mà hiện nay cuộc sống đang đặt ra trước chúng ta với toàn bộ sự sắc bén và cấp bách của nó.

Khắp nơi chúng ta còn những kho dự trữ lớn chưa dùng đến, trong số đó thì trung tâm của các dự trữ phải là «yếu tố con người», là các hoạt động lao động xã hội, là tính chủ động, óc sáng kiến, là lòng say sưa với sự cố gắng sáng tạo nhất và sự tự phát triển của con người.

NGUYỄN ĐÌNH HUYỀN

dịch từ «*Nauka i jizni*» số 7 năm 1974

Nhìn lại 15 năm...

(Tiếp theo trang 39)

sản xuất đồng bộ, dây chuyền sản xuất, phương pháp pha cắt nguyên vật liệu...).

3. Từ trước đến nay, chúng tôi chỉ đi vào bài toán lẻ, ứng dụng trực tiếp vào cơ sở và mong rằng kết quả đạt được sẽ khuyến khích các thủ trưởng mở rộng ra toàn xí nghiệp, toàn ngành. Thực tế thì khi công việc hoàn thành tốt, xí nghiệp nghỉ ngơi thỏa mãn nhưng không nghĩ tới khuếch trương sang các mặt khác.

Vì thế, chúng tôi sẽ không những đi vào một phương pháp mà sẽ cố gắng ứng dụng một số phương pháp toán kinh tế và vận trù học khác. Chúng tôi không những đi vào cơ sở, mà sẽ cố gắng ứng dụng vào một số ngành sản xuất ở địa phương. Cụ thể, bước đầu sẽ sử dụng lí thuyết qui hoạch dự báo để nghiên cứu qui hoạch rau quả nội thành và dự báo năng lượng của Hải-phòng.

..

Hiện nay, khoa học quản lí kinh tế và toán kinh tế vẫn còn mới mẻ trong nước ta. Công

việc nghiên cứu lí thuyết và ứng dụng thì nghiệm đang được đẩy mạnh ở trung ương và ở các địa phương.

Ở Hải-phòng, khoa học quản lí kinh tế chưa có tổ chức nào chuyên trách, Ban Khoa học kĩ thuật, Tiểu ban Vận trù học lãnh trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến vận động, ứng dụng sơ đồ mạng, vận trù học, toán kinh tế. Tiểu ban có tính chất một tập hợp sử dụng những người nhiệt tình trong hàng ngũ giáo viên toán của các trường đại học và các kĩ sư Anh chị em hoạt động hoàn toàn tự nguyện với tinh thần muốn đem hiểu biết toán học phục vụ sản xuất.

Trong Hội nghị tổng kết vận trù học, đồng chí Chủ tịch Ủy ban hành chính thành phố Hải-phòng nêu vấn đề: «Phải đưa phong trào từ lĩnh vực vận động sang lĩnh vực công tác chính quyền, phải nâng Tiểu ban Vận trù học từ hình thức nghiệp dư thành cơ quan chính quyền». Tất nhiên việc huy động lực lượng cán bộ toán và kĩ sư của các ngành vẫn còn là chủ yếu. Phương hướng này đang được nghiên cứu và chờ khi có điều kiện sẽ được chính thức tiến hành.